

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HS-ST.  
Ngày 14-3-2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Lê L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Tô Đình P.

2. Bà Nguyễn Thị P1.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Hoài M – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Q – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B và  
điểm cầu phòng làm việc Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm  
công khai trực tiếp và trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS,  
ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
08/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên  
tòa số 04/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Phạm Long N**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh  
ngày: 04/5/1999 tại A, B; nơi cư trú: Khu H, thị trấn C, huyện A, tỉnh B; dân  
tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề  
nghiệp: Lao động tự do; con ông: Võ Văn V (sinh năm 1973) và bà: Phạm Thị  
T1 (sinh năm 1973); vợ: Huỳnh Nguyễn Vi N1 (sinh năm 2001, đã ly hôn); con:  
Võ Huỳnh Kim Ngân, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố và bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh  
B từ ngày 21/12/2023 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại điểm cầu phòng làm việc  
Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B*).

\* Người bị hại:

Anh Tạ Thúc T – Sinh năm: 2003; nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê S – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu K, thị trấn C, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào khoảng 16 giờ ngày 31/8/2023, Võ Phạm Long N đến gặp và nói với Tạ Thúc T – là nhân viên quán Internet “Net Việt”: “Cho anh mượn xe đi lấy tiền, khoảng 10 phút anh trả”. T đồng ý cho N mượn xe mô tô Airblade 77L1-191.68. Xe này do ông Tạ Hữu T2 (sinh năm 1972 – là cha của T) mua cho T nhưng ông T2 đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, ông T2 đã giao xe cho T quản lý và sử dụng xe, việc giao xe này chỉ thông qua lời nói chứ không có giấy tờ hay hợp đồng. Sau khi mượn được xe của T, N điều khiển xe đi lấy tiền nhưng không lấy được tiền nên đến quán “Café Nhí” uống café. Khi uống xong, N không có tiền trả nên nói Lê S (chủ quán “Café Nhí”) cho N cầm cố xe mô tô 2.000.000<sup>d</sup> (hai triệu đồng) rồi hẹn với S qua ngày hôm sau trả. S hỏi N xe của ai, có giấy tờ gì không thì N nói là xe của nhà N, giấy tờ xe để ở nhà. S tin tưởng nên chụp hình N và xe mô tô. Sau đó tính tiền café cho N 37.000<sup>d</sup> (ba mươi bảy nghìn đồng), rồi đưa N số tiền còn lại là 1.963.000<sup>d</sup> (một triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Một lúc sau, N quay lại bảo S đưa thêm 1.000.000<sup>d</sup> (một triệu đồng) và bảo ghi vào xe mô tô đã cầm cố.

Sau khi thấy N không trả xe như đã hẹn nên T gọi điện nhưng N không nghe điện thoại, T nhắn tin qua ứng dụng mạng xã hội Messenger bảo N trả lại xe thì N nói: Đang ở trên nhà tí nữa xuống trả. Đến ngày 01/9/2023, T tiếp tục nhắn tin cho N đòi xe thì N nói là đang cầm ở chỗ S và mượn T 2.000.000<sup>d</sup> (hai triệu đồng) để lấy xe nhưng T nói không có tiền, bảo N tự lấy xe rồi trả lại T. Do không có tiền để lấy xe đã cầm cố nên N đi khỏi nhà, trốn tránh không gặp T. Sau đó vài ngày thì ông Tạ Hữu T2 biết chuyện nên đến nhà ông Võ Văn V – là cha của N để nói lại việc này. Đến trưa ngày 07/9/2023, N gọi bảo ông T2 cầm 5.000.000<sup>d</sup> (năm triệu đồng) đến đường Trần Hưng Đạo để chuộc xe. Khoảng 15 giờ chiều cùng ngày khi N đến địa điểm trên thì bị Công an thị trấn C đưa về trụ sở làm việc. Số tiền cầm cố xe mô tô biển số 77L1-191.68, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ 01 (một) xe mô tô biển số 77L1-191.68 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Tạ Hữu T2. Sau khi xác định đúng chủ sở hữu, đã tiến hành trả lại cho anh Tạ Thúc T.

Theo Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTTTHS ngày 17/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, thì: 01 (một) xe mô tô biển số 77L1-191.68 nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn vàng - đen, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 31/8/2023, trị giá 9.600.000<sup>d</sup> (chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Phạm Long N đã tự nguyện nhờ gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 3.000.000<sup>d</sup> (ba triệu đồng) cho anh Lê S. Anh Lê S sau khi nhận lại tài sản thì không có yêu cầu gì về phần dân sự.

*Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSPC, ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Võ Phạm Long N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Phạm Long N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Phạm Long N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo với mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 21.12.2023.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Võ Phạm Long N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Lợi dụng sự quen biết và tin tưởng lẫn nhau, bị cáo Võ Phạm Long N đã mượn 01 xe mô tô Airblade mang biển số 77L1-191.68 trị giá 9.600.000<sup>d</sup> của anh Tạ Thúc T để đi công việc, sau đó đã nảy sinh ý thức và dùng thủ đoạn gian dối để cầm cố chiếc xe này cho anh Lê S được 3.000.000<sup>d</sup> rồi bỏ trốn. Mặc dù anh T đã nhiều lần nhắn tin và gọi điện yêu cầu bị cáo N trả lại xe nhưng N không trả.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Võ Phạm Long N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Võ Phạm Long N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, bị cáo đã tự nguyện tác động, nhờ gia đình bồi thường, khắc phục tốt hậu quả. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Phạm Long N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;*

*Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Phạm Long N phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Phạm Long N **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 21/12/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo Võ Phạm Long N phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Đội Tham mưu – Tổng hợp Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Lê L**